

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **46/2023/HNGĐ – ST**
Ngày: 15/6/2023
"V/v: Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ bà Lê Thị Thận;

2/ ông Phạm Thành Đô;

- Thư ký phiên tòa: ông Bùi Quốc Hải – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 10/2023/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2023/QĐST – HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* bà Phạm Thị Ánh T, sinh năm: 1970

Nơi cư trú: thôn 8, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:* ông Lê Văn D, sinh năm: 1972

Nơi cư trú: thôn 8, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 01 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Lê Văn D tự nguyện tìm hiểu, tiến hành đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy đăng ký kết hôn số 12, ký ngày 09/7/1998. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do ông Lê Văn D thường xuyên say xỉn, bài bạc, có nhiều lời lẽ xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà và cũng nhiều lần đánh đập bà. Việc này diễn ra từ rất lâu nhưng vì con còn nhỏ nên bà nhiều lần bỏ qua. Tuy nhiên, càng về thời gian sau thì ông Lê Văn D càng trở nên tệ hại hơn khiến bà mất dần tình cảm với ông Lê Văn D. Sự việc kéo dài qua nhiều năm ảnh hưởng đến cuộc sống, tinh thần của bà. Nay, nhận thấy vợ chồng không có hạnh phúc, bản thân bà mệt mỏi với cuộc sống hôn nhân như hiện tại nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Văn D.

Về con chung: bà và ông Lê Văn D có ba con chung tên là Lê Văn Tr, sinh năm: 1996; Lê Thị Ánh Th, sinh năm: 1998 và Lê Thị Thùy Tr, sinh năm: 2006. Bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Lê Thị Thùy Tr và không yêu cầu giải quyết Tòa án cấp dưỡng nuôi con.

Đối với Lê Văn Tr và Lê Thị Thùy Tr đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ánh T về việc ly hôn với ông Lê Văn D

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Lê Thị Thùy Tr, sinh năm: 2006 cho bà Phạm Thị Ánh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

Về cấp dưỡng: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ông Lê Văn D (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Bà Phạm Thị Ánh T (là nguyên đơn) vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn D và bà Phạm Thị Ánh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Thị Ánh T khai nhận ông bà có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy đăng ký kết hôn số 12, ký ngày 09/7/1998. Lời khai của bà Phạm Thị Ánh T phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 02). Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Ánh T và ông Lê Văn D là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh T: trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị Ánh T khai nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, ông Lê Văn D thường xuyên say xỉn, bài bạc, có lời lẽ xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm và có hành vi bạo lực đối với bà. Lời khai của bà Phạm Thị Ánh T phù hợp với lời khai của người làm chứng. Xét, tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Như vậy, có đủ căn cứ xác định ông Lê Văn D vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*. Như vậy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ánh T về việc ly hôn.

[4] Về con chung: bà Phạm Thị Ánh T khai nhận vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Văn Tr, sinh năm: 1996; Lê Thị Ánh Th, sinh năm: 1998 và Lê Thị Thùy Tr, sinh năm: 2006. Lời khai của bà Phạm Thị Ánh T phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị Ánh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Thùy Tr.

Xét, cháu Lê Thị Thùy Tr thừa nhận thời gian qua bà Phạm Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Bản thân cháu Lê Thị Thùy Tr có nguyện vọng được bà Phạm Thị Ánh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của Lê Thị Thùy Tr, đảm bảo sự ổn định về môi trường sống và tâm sinh lý cho Lê Thị Thùy Tr. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Lê Thị Thùy Tr cho bà Phạm Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Lê Văn D, bà Phạm Thị Ánh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Đối với Lê Văn Tr và Lê Thị Ánh Th đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không ai yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung: không ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: không ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Các nội dung khác:

[7.1] Bị đơn ông Lê Văn D đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, được xem như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

[7.2] Về án phí: Tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh T phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7.3] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ánh T. Bà Phạm Thị Ánh T được ly hôn với ông Lê Văn D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 12, ký ngày 09/7/1998 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng không có giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: giao cháu Lê Thị Thùy Tr, sinh ngày 05/4/2006 cho bà Phạm Thị Ánh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Các bên có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; Có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đối với Lê Văn Tr và Lê Thị Ánh Th đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không ai yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về chia tài sản chung: không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0000854 ký ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

7. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh